**TIẾT 118: MỞ RỘNG VỐN TỪ VỀ THÀNH THỊ, NÔNG THÔN.**

**BIỆN PHÁP SO SÁNH.**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Mở rộng vốn từ về thành thị và nông thôn, nhận biết các sự vật được so sánh trong câu văn. Biết đặt câu có hình ảnh so sánh.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý và tôn trọng bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Bài giảng Power point.

-Máy soi, PBT

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.( 2-3’)** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Cho HS hát bài Việt Nam ơi, nhắc HS nghe tìm trong bài hát những từ chỉ sự vật được nhắc tới.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV dẫn dắt vào bài mới  +Những từ đó là những từ chỉ sự vật em thường thấy ở thành thị và nông thôn. Chúng ta sẽ đi tìm hiểu các từ ngữ thuộc chủ điểm này qua tiết MRVT Thành thị và nông thôn. | -HS nêu  đường phố, đồng xanh thơm hương lúa,nhà cao xe giăng phố, đảo xa , đồi cao, đất trời, quê hương xanh ngời, |
| **2. Khám phá***.* | |
| **2.1. Hoạt động 1: (làm việc cá nhân, nhóm)**  **Bài 1: ( 13-15’)**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài 1.  **a. Tìm từ ngữ chỉ sự vật thường thấy ở thành thị hoặc nông thôn.**  - GV hướng dẫn HS làm bài tậptheo nhóm và ghi vào phiếu bài tập.  Dựa vào tranh và hiểu biết của bản thân, tìm từ ngữ chỉ sự vật thường thấy ở thành thị hoặc nông thôn.(Làm việc nhóm 6)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tranh** | **Thành phố ( đô thị)** | **Nông thôn( làng quê)** | | Từ ngữ chỉ sự vật | - Từ ngữ chỉ người: sinh viên , bác sĩ, kĩ sư, nhân viên công sở...  - Từ ngữ chỉ sự vật: chung cư, của hàng, cửa hiệu, siêu thị, xe buýt, ô tô, xe máy, nhà máy, đèn cao áp... | - Từ ngữ chỉ người:nông dân, người làm vườn, thợ cấy, thợ lái máy cày,...  - Từ ngữ chỉ sự vật: cánh đồng, ruộng lúa, vườn rau, ao hồ, lúa , ngô, khoai, sắn,đường đất, trâu, bò, lợn, gà,... |   - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  => GV chốt: Các từ ngữ vừa tìm là những từ ngữ chỉ SV thường thấy ở hành thị và nông thôn. Tuy nhiên,hiện nay nhiều vùng nông thôn cũng đã thay đổi nhiều, có những dáng nét của thành phố( phố trong làng) và ngược lại cũng có những thành phố đã chú ý tạo môi trường xanh ( làng trong phố) – GV kết hợp cho HS xem hình ảnh.  **b. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của mỗi sự vật em tìm được ở phần a.**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm làm việc:   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ chỉ người:** | **Từ ngữ chỉ đặc điểm** | | - Bác sĩ | - giỏi, nhân hậu. | | ... | ... | | ... | ... |  |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ chỉ sự vật:** | **Từ ngữ chỉ đặc điểm** | | xe buýt | đông người | | .... | .... | | .... | ..... |   - Mời đại diện nhóm trình bày.  - Mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - Nhận xét, chốt đáp án:   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm cảnh vật ở thành phố** | **Đặc điểm cảnh vật ở nông thôn** | | đông đúc, sầm uất, chật chội, ồn ào, náo nhiệt, tấp nập, sôi động, hiện đại, đồ sộ, sang trọng, mới mẻ, ... | vắng vẻ, thoáng đáng, rộng rãi, yên tĩnh, thanh bình, yên ả, êm đềm, xanh tươi, bình dị, cổ xưa, gần gũi với thiên nhiên, trong lành, ... |   **2.2. Hoạt động 2: (làm việc cá nhân, nhóm)**  **Bài 2:Tìm những âm thanh được so sánh trong mỗi** **câu văn. Điền thông tin vào bảng. 5-7’**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Âm thanh được so sánh** | **Đặc điểm so sánh** | **Từ so sánh** | **Âm thanh dùng để so ánh** | | Tiếng đàn tơ rưng |  |  |  | | Tiếng chim sáo |  |  |  |   - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập 3(làm cá nhân hoặc theo cặp):  + Lập bảng theo hướng dẫn của GV.  + Đọc kĩ từng câu rồi điền vào bảng.  + GV quan sát các cá nhân hoặc các nhóm bài tập - GV mời HS trình bày bài tập 2 trước lớp. GV soi và hướng dẫn chữa bài.  - Đáp án:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Âm thanh được so sánh** | **Đặc điểm so sánh** | **Từ so sánh** | **Âm thanh dùng để so ánh** | | Tiếng đàn tơ rưng | trầm hùng | như | tiếng thác đổ | | thánh thót, róc rách | như | suối reo | | Tiếng sáo | ríu ran | như | một cái chợ vừa mở | | như | một lớp học vừa tan | | như | buổi đàn ca liên hoan sắp bắt đầu, |   -Vì sao tiếng đàn tơ rưng lại được so sánh với tiếng thác đổ và tiếng suối reo?  -Tiếng sáo có đặc điểm gì giống âm thanh của một cái chợ vừa mở,một lớp học vừa tan,buổi đàn ca liên hoan sắp bắt đầu?  -Cho HS xem vi deo tiếng đàn tơ rưng, tiếng sáo.  **=> GV chốt:**  -Các hình ảnh so sánh trong bài thể hiện cách so sánh nào?  -Thế nào là so sánh âm thanh với âm thanh?  =>Một âm thanh có thể có nhiều cách so sánh tùy theo cảm nhận của mỗi người.  -Các hình ảnh so sánh đó thuộc kiểu so sánh gì?  -Tác dụng của việc so sánh ?  **Bài 3:** **Đặt một câu tả âm thanh có sử dụng biện pháp so sánh. 4-6’**  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở ô li.  - Yêu cầu HS trình bày ( GV soi)  -Cho nhiều HS đọc câu trước lớp.  - GV quan sát HS làm và nhận xét chung cả lớp.  => Khi đặt câu em luy ý gì?  +Tìm đúng âm thanh có đặc điểm giống nhau để so sánh với nhau.  +Sử dụng đúng từ so sánh.  +Đầu câu viết hoa.  **3. Củng cố** 2-3’  -GV nhận xét, tuyên dương HS | - HS đọc yêu cầu bài 1.  - HS làm việc theo nhóm 6.  -Trao đổi bảng nhóm giữa các nhóm với nhau.  - Đại diện nhóm trình bày chia sẻ với cả lớp.  - Các nhóm theo dõi đánh dấu vào những từ chỉ sự vật trùng với nhóm mình đã tìm.  -Nhận xét, bổ sung.  - HS làm việc theo nhóm 2.  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - Một số HS trình bày kết quả.  - HS nhận xét bạn.  - HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - Các nhóm đôi làm việc theo yêu cầu.  - HS làm bài tập 2 vào phiếu  -Đại diện nhóm trình bày, chia sẻ  - Các nhóm nhận xét chéo nhau.  - Theo dõi bổ sung.  *-Vì tiếng đàn tơ rưng và tiếng thác đổ đều có đặc điểm là nghe trầm hùng.*  *- Có lúc tiếng đàn tơ rưng lại thánh thót như tiếng suối reo*  - So sánh âm thanh với âm thanh  -Lấy âm thanh có đặc điểm tương đồng để so sánh với âm thanh được nói tới.  So sánh ngang bằng  -Âm thanh được miêu tả cụ thể, sinh động hơn, hay hơn, câu văn có cảm xúc.  - HS đọc yêu cầu bài 3.  - Từng em đạt câu vào vở ô li  - HS trình bày.  - Nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe. |